

**BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1039*/HVTC-QTTB&ĐTXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

Về việc mời đơn vị báo giá để xây dựng dự toán gói thầu “Mua sắm 04 xe ô tô phục vụ công tác chung của Học viện Tài chính”

Kính gửi:

Học viện Tài chính có nhu cầu mua sắm 04 xe ô tô phục vụ công tác chung của Học viện Tài chính theo các yêu cầu chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Công văn này.

Căn cứ Tờ trình số 89/TTr_QTTB&ĐTXD ngày 05/6/2026 đã được Lãnh đạo Học viện phê duyệt, để có cơ sở xác định chi phí, lập dự toán gói thầu, Ban QTTB&ĐTXD đề nghị quý Công ty nếu quan tâm đến nội dung kể trên thì gửi báo giá theo mẫu tại phụ lục 02 đính kèm.

Báo giá của công ty gửi về địa chỉ: Ban Quản trị Thiết bị và Đầu tư xây dựng - Học viện Tài chính (phòng 414 nhà hiệu bộ), Số 58 Lê Văn Hiến, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội trước ngày 29/6/2026. Trường hợp Công ty cần thêm thông tin để lập báo giá xin liên hệ với Ông Nguyễn Phi Hùng, Phó trưởng Ban QTTB&ĐTXD, số điện thoại: 0986 822568.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Công ty./.

Tài liệu kèm theo công văn:

- Phụ lục 01. Phạm vi - yêu cầu
- Phụ lục 02. Biểu mẫu báo giá; *mu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin HVTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, QTTB & ĐTXD (5b) *W*

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG BAN QTTB&ĐTXD
PHÓ TRƯỞNG BAN (PT)**



Nguyễn Thị Hải Yến

PHỤ LỤC I
DANH MỤC VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

(Kèm theo công văn số 1039/HVTC-QTTB&DTXD ngày 25/6/2026 của Giám đốc Học viện Tài chính)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tối thiểu như sau hoặc tương đương)			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
1	Ô tô 5 chỗ	Đặc tính kỹ thuật		ĐVT	Thông số kỹ thuật		
		KÍCH THƯỚC					
		Kích thước tổng thể bên ngoài		mm	4685 x 1935 x 1706		
		Chiều dài cơ sở		mm	2726		
		Khoảng sáng gầm xe		mm	190		
		Dung tích bình nhiên liệu		L	60		
		ĐỘNG CƠ					
		Loại động cơ			Xăng 1.5L Ecoboost tăng áp, I4 phun xăng trực tiếp		
		Dung tích xy lanh (cc)			1490		
		Công suất cực đại (PS/vòng/phút)		cc	160 Ps (118kW) / 5400-5700 rpm		
		Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút)			248 Nm/1500-3500 rpm		
		Chế độ lái			Tùy chọn		
		Hộp số			Số tự động 7 cấp		
		Trợ lực lái			Trợ lực lái điện		
		KHUNG GÀM					
		Hệ thống lái		Trợ lực lái	Trợ lực điện		
		Vành và Lốp xe		Loại vành	Hợp kim nhôm 19"		
				Kích thước lốp	235/50R19		
		Hệ thống phanh		Phanh trước/sau	Phanh Đĩa		
		NGOẠI THẤT					
		Cụm đèn trước		Đèn chiếu xa/ gần	LED, tự động bật đèn		



TA
C VI
CHII

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tối thiểu như sau hoặc tương đương)			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	
		Dèn pha chống chói tự động	Có					
		Gạt mưa	Tự động					
		Cửa sổ trời toàn cảnh	Có					
		Cửa hậu đóng/mở điện	Có					
		Gương chiếu hậu điều chỉnh điện	Gập điện, sấy					
		NỘI THẤT						
	Tay lái	Chất liệu	Da					
		Nút bấm điều khiển tích hợp	Có					
	Gương chiếu hậu bên trong	Điện tử với Camera tích hợp						
		Chất liệu ghế	Da					
		Ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng					
	Ghế	Ghế phụ	Chỉnh điện 4 hướng					
		TIỆN NGHI						
	Chìa khoá thông minh & khởi động bằng nút bấm	Có						
		Màn hình	Cảm ứng 12.3’’					
		Số loa	8					
Kết nối điện thoại thông minh		Có (không dây)						
Phanh tay điện tử		Có						
Bảng đồng hồ tốc độ		12.3 inch						
Hệ thống điều hòa	Tự động 2 vùng							
	AN TOÀN CHỦ ĐỘNG							

mu

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tối thiểu như sau hoặc tương đương)				Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	
2	Ô tô 7-8 chỗ hai cầu	Hệ thống an toàn	Hệ thống cảnh báo va chạm		Có	Chiếc	01		
			Cảnh báo chệch làn đường		Có				
			Hỗ trợ duy trì làn đường		Có				Kiểm soát hành trình thích ứng
			Hệ thống kiểm soát hành trình						
			Hệ thống cảnh báo điểm mù		Có				
			Hệ thống cảnh báo xe cắt ngang		Có				
			Hệ thống cân bằng điện tử		Có				
			Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc		Có				
			AN TOÀN BỊ ĐỘNG						
			Túi khí	Người lái & hành khách phía trước					Có
		Túi khí bên hông phía trước		Có					
		Túi khí rèm		Có					
		Danh mục thông số		Tiêu chuẩn kỹ thuật					
		I KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG							
		1	Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)		4914 x 1923 x1840				
		2	Chiều dài cơ sở (mm)		2 900				
		3	Khoảng sáng gầm xe (mm)		228				
		4	Số người cho phép chở (kể cả người lái)		07				
		II ĐỘNG CƠ							
		1	Loại động cơ		Xăng 2.3L EcoBoost i4, Trục cam kép, có làm mát khí nạp				
		2	Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5				
		3	Dung tích công tác (cc)		2261				
		4	Công suất tối đa (kW)		300(221kw)5650				
		5	Mô men xoắn tối đa (N.m)		446/3500				
		III HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH							
		1	Hệ thống truyền động		Dẫn động 2 cầu chủ động/4x4				

HỌ TÊN

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tối thiểu như sau hoặc tương đương)			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
2	Hộp số	Tự động, 10 cấp điện tử					
3	Hệ thống treo trước/sau	Hệ thống treo độc lập, lò xo trụ, thanh cân bằng và ống giảm chấn/Hệ thống treo sau sử dụng lò xo trụ, ống giảm chấn lớn và thanh ổn định liên kết kiểu Watts Linkage					
4	Vành và Lốp xe	275/45R21					
-	Loại vành	Vành hợp kim 21"					
5	Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa					
6	Trợ lực lái	Trợ lực điện					
IV	NGOẠI THẤT						
1	Cụm đèn trước	LED Matrix, tự động bật đèn					
-	Đèn chiếu sáng ban ngày	Có					
-	Đèn pha chống chói tự động	Có					
2	Đèn sương mù trước	Có					
3	Gương chiếu hậu ngoài						
-	Chức năng điều chỉnh điện	Có					
-	Chức năng gấp điện	Có					
-	Tích hợp đèn báo rẽ	Có					
4	Gạt mưa trước/sau	Có					
5	Chức năng sấy kính sau	Có					
6	Màu sơn	Đen					
V	NỘI THẤT						
1	Tay lái bọc da						
-	Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay					
-	Điều chỉnh	Chỉnh tay 4 hướng					

mu

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tối thiểu như sau hoặc tương đương)			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
2	Gương chiếu hậu trong	Tự động điều chỉnh 2 chế độ ngày và đêm					
3	Ghế						
-	Chất liệu bọc ghế	Da					
-	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng có nhớ vị trí ghế lái					
-	Điều chỉnh ghế hành khách phía trước	Chỉnh điện 10 hướng					
4	Hệ thống điều hòa	Tự động, 2 vùng					
5	Hệ thống âm thanh						
-	Màn hình	Màn hình cảm ứng 12 inch					
-	Số loa	12					
6	Chìa khóa thông minh	Có					
7	Khóa cửa điện	Có					
8	Chức năng khóa cửa từ xa	Có					
9	Cửa sổ điều chỉnh điện 1 chạm, chống kẹt cho cả 2 hàng ghế	Có					
10	Cốp điều khiển điện	Có					
VI	TRANG BỊ AN TOÀN						
1	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có					
3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có					
4	Hệ thống cân bằng điện tử	Có					
5	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có					
6	Hệ thống hỗ trợ đổ đèo	Có					
7	Camera 360	Có					
8	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe trước và sau	Có					

CH
IA

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật (tối thiểu như sau hoặc tương đương)					Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá		
3	Ô tô 29 chỗ	9	Túi khí người lái & hành khách phía trước	CÓ			Chiếc	01			
		10	Túi khí bên hông phía trước	CÓ							
		11	Túi khí rèm	CÓ							
		12	Túi khí đầu gối người lái	CÓ							
		13	Cảnh báo điểm mù + Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	CÓ							
		14	Hệ thống Kiểm soát tốc độ / Cruise Control	Tự động thích ứng							
		TT									
		THÔNG SỐ KỸ THUẬT			29 CHỖ						
		I ĐỘNG CƠ VÀ TÍNH NĂNG VẬN HÀNH									
		1	Động cơ	D4GA, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, Tăng áp, Euro5							
		2	Dung tích xi lanh (cc)	3.933							
		3	Công suất cực đại (PS/vòng/phút) (PS/rpm)	103/2700							
		4	Hộp số	Số sàn							
		5	Hệ thống phanh	Tang trống, dẫn động thủy lực 2 dòng, trợ lực chân không							
		6	Cỡ lốp xe (trước/ sau)	7.50R16							
		7	Điều hòa nhiệt độ	CÓ							
		8	Trọng lượng bản thân:	4.700 kg							
9	Trọng tải toàn bộ:	6.900 kg									
10	Số chỗ ngồi:	29 chỗ									
11	Điều hoà nhiệt độ	CÓ									
II KÍCH THƯỚC											
1	Dài x Rộng x Cao (mm)	7.720x 2.090x 2.840									
2	Chiều dài cơ sở (mm)	4.085									
3	Vệt bánh trước/sau (mm)	1.735/1.495									
4	Góc thoát trước/sau(độ)	16/10									
5	Chiều dài cơ sở (mm)	4.085									

16/11

Phụ lục II
MẪU BẢNG CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn số /HVTCTC-QTTB&ĐTXD ngày /6/2026 của Học viện Tài chính)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Học viện Tài chính

Ngày.....chúng tôi (Ghi tên công ty) nhận được công văn số/HVTCTC-QTTB&ĐTXD ngày...../6/2026 của quý đơn vị, chúng tôi xin báo giá các hạng mục công việc như sau:

1. Nội dung: báo giá hàng hóa

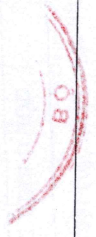
Đơn vị tính: Đồng						
STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ô tô 5 chỗ		Chiếc	02		
2	Ô tô 7 chỗ, 2 cầu		Chiếc	01		
3	Ô tô 29 chỗ		Chiếc	01		
	Tổng cộng					

Số tiền bằng chữ:...../. Giá trên đã bao gồm thuế VAT, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa bao gồm chi phí đăng ký đăng kiểm hoàn thiện xe, báo giá này có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

2. Năng lực kinh nghiệm của hàng hóa, dịch vụ tương tự:

Chúng tôi cam kết có đủ năng lực, điều kiện và kinh nghiệm trong việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ nêu trên.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(Ký tên, đóng dấu)



[Handwritten signature]